

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

Tên doanh nghiệp/tổ chức: **CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỨC THÀNH TÂY NGUYÊN**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 6001706166, cấp ngày 24 tháng 11 năm 2020;

Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ trụ sở chính: số 151 đường Giải Phóng, thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: **NGUYỄN MINH CHIÊU** Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Sinh ngày: 12/12/1971 Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân: 300888441

Ngày cấp: 07/07/2017

Nơi cấp: Công an Tỉnh Long An

Địa chỉ thường trú: Đức Ngải 1, Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện tại: Đức Ngải 1, Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (trường hợp gắn với thành lập tổ chức kinh tế) : không có

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án đầu tư, địa điểm thực hiện dự án:



1.1. Tên dự án: **TRỒNG RỪNG VÀ SẢN XUẤT LÂM NÔNG KẾT HỢP**

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: thuộc các khoảnh 6, 7, 7A, 8A, 8, 9, 9A tiểu khu 239 và khoảnh 8 tiểu khu 243, xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

2. Mục tiêu dự án

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (Đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Trồng rừng sản xuất (cây gáo vàng, cây xà cừ)	0210	
2	Trồng cây ăn quả: sầu riêng, xoài, mít...	0128	
3	Chăn nuôi bò		
4	Trồng cỏ phục vụ chăn nuôi		

* Mục tiêu chung của dự án:

- Trồng rừng, trồng cây ăn quả, cây nông nghiệp ngắn ngày, trồng cánh đồng cỏ phục vụ chăn nuôi.

- Sử dụng hiệu quả diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng với mục tiêu kinh tế cao nhất. Khai thác tiềm năng đất đai. Tăng độ che phủ, hạn chế xói mòn, cải tạo môi trường sinh thái trong khu vực.

- Sản xuất kinh doanh theo mô hình lâm nông kết hợp nhằm đa dạng hóa các loại cây trồng trên các điều kiện lập địa với ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ cao, sản xuất thúc đẩy phát triển kinh tế, chủ động tạo ra nguồn sản phẩm dồi dào cho xã hội. Góp phần giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương nhất là các hộ gia đình người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Góp phần thực hiện mục tiêu chung của tỉnh Đắk Lắk trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Bảo vệ môi trường, phủ xanh đất trống, đồi trọc, cải tạo đất, điều tiết nguồn nước trong khu vực, chăm sóc bảo vệ và phát triển rừng.

3. Quy mô đầu tư

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

3.1. Tổng diện tích đất: 258,44 ha (Ngày 09/4/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở ngành, UBND huyện Ea Súp, Hạt Kiểm lâm Ea Súp và UBND xã Ea Bung tiến hành phức tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại vị trí nêu trên). Về hiện trạng như sau:

- Đất có rừng tự nhiên: 106,92ha
- Đất chưa có rừng: 149,27ha.
- Đất khác: 2,25ha (Đường: 1,3ha; Sinh: 0,95ha).

3.2. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Các loại gỗ, cây ăn trái, thịt bò cung cấp cho người dân trong khu vực và các địa bàn lân cận có nhu cầu.

3.3. Quy mô dự án:

- Đối với diện tích đất có rừng tự nhiên: 106,92 ha, tổ chức khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng.

- Đối với diện tích đất chưa có rừng và đất khác: 151,52 ha, diện tích đất này sẽ bố trí trồng rừng và diện tích đất quy hoạch cho trồng rừng nông lâm kết hợp, cụ thể như sau:

- + Trồng rừng: 106,064 ha.
- + Trồng cây nông nghiệp ngắn ngày: 30 ha..
- + Trồng cây ăn quả (sầu riêng, xoài, mít...): 5 ha
- + Khu cung cấp nhiên liệu: 02 ha.
- + Trang trại chăn nuôi bò: 05 ha.
- + Nhà điều hành, văn phòng làm việc, nhà kho, giao thông nội đồng, công trình phụ trợ,...: 3,456 ha.

Ngoài ra, Công ty sẽ tiến hành trồng cỏ dưới tán rừng với diện tích 50 ha để làm nguồn nguyên liệu, thức ăn cho bò.

4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

4.1. Tổng vốn đầu tư: **287.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy tỷ đồng), bao gồm vốn cố định và vốn lưu động:

a) Vốn cố định: 277.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi bảy tỷ đồng*).

- Chi phí xây dựng, trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng, trồng cây nông nghiệp,...: 262.000.000.000 đồng.

- Chi phí thiết bị: 4.000.000.000 đồng.

- Chi phí khác hình thành tài sản cố định: 6.000.000.000 đồng.

- Chi phí dự phòng: 3.500.000.000 đồng.

- Chi phí khác: 1.500.000.000 đồng.

b. Vốn lưu động: 10.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn*)

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp:

Stt	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
1	Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên	57.400.000.000	20%		Theo tiến độ dự án

b) Vốn huy động: 229.600.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng*), chiếm 80% tổng vốn đầu tư dự án.

5. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm

6. Tiến độ thực hiện dự án: 36 tháng

- Tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư: 18 tháng

- Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/ hoạt động: 18 tháng

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của Hồ sơ đầu tư và các văn bản sao gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Đề xuất dự án đầu tư.
- Báo cáo tài chính.
- Sơ đồ khu đất.
- Các hồ sơ, tài liệu có liên quan khác.

Làm tại tỉnh Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021

**CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỨC THÀNH
TÂY NGUYÊN**



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Chiếu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày.....tháng.....năm 2021)

I. NHÀ ĐẦU TƯ/HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư: **CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỨC THÀNH TÂY NGUYÊN**
2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (nếu có): theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020.

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI CÁC NỘI DUNG SAU:

1. Các nội dung về tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, mục tiêu, quy mô, vốn, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án: **TRỒNG RỪNG VÀ SẢN XUẤT LÂM NÔNG KẾT HỢP**

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: thuộc các khoảnh 6, 7, 7A, 8A, 8, 9, 9A tiểu khu 239 và khoảnh 8 tiểu khu 243, xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

1.3. Mục tiêu dự án

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (Đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Trồng rừng sản xuất (cây gáo vàng)	0210	
2	Trồng cây ăn quả: sầu riêng, xoài, mít...	0128	
3	Chăn nuôi bò		
4	Trồng cây nông nghiệp		

* Mục tiêu chung của dự án:

- Trồng rừng, trồng cây ăn quả, cây nông nghiệp ngắn ngày, trồng cánh đồng cỏ phục vụ chăn nuôi.

- Sử dụng hiệu quả diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng với mục tiêu kinh tế cao nhất. Khai thác tiềm năng đất đai. Tăng độ che phủ, hạn chế xói mòn, cải tạo môi trường sinh thái trong khu vực.

- Sản xuất kinh doanh theo mô hình lâm nông kết hợp nhằm đa dạng hóa các loại cây trồng trên các điều kiện lập địa với ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ cao, sản xuất thúc đẩy phát triển kinh tế, chủ động tạo ra nguồn sản phẩm dồi dào cho xã hội. Góp phần giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương nhất là các hộ gia đình người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Góp phần thực hiện mục tiêu chung của tỉnh Đắk Lắk trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Bảo vệ môi trường, phủ xanh đất trống, đồi trọc, cải tạo đất, điều tiết nguồn nước trong khu vực, chăm sóc bảo vệ và phát triển rừng.

1.4. Quy mô đầu tư

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

a/. Tổng diện tích đất: 258,44 ha (Ngày 09/4/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở ngành, UBND huyện Ea Súp, Hạt Kiểm lâm Ea Súp và UBND xã Ea Bung tiến hành phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại vị trí nêu trên). Về hiện trạng như sau:

- Đất có rừng tự nhiên: 106,92ha
- Đất chưa có rừng: 149,27ha.
- Đất khác: 2,25ha (Đường: 1,3ha; Sinh: 0,95ha).

b/ Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Các loại gỗ, cây ăn trái, thịt bò cung cấp cho người dân trong khu vực và các địa bàn lân cận có nhu cầu.

c/. Quy mô dự án:

- Đối với diện tích đất có rừng tự nhiên: 106,92 ha, tổ chức khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng.

- Đối với diện tích đất chưa có rừng và đất khác: 151,52 ha, diện tích đất này sẽ bố trí trồng rừng và diện tích đất quy hoạch cho trồng rừng nông lâm kết hợp, cụ thể như sau:

- + Trồng rừng: 106,064 ha.
- + Trồng cây nông nghiệp ngắn ngày: 30 ha.
- + Trồng cây ăn quả (sầu riêng, xoài, mít...): 5 ha
- + Khu cung cấp nhiên liệu: 02 ha.
- + Trang trại chăn nuôi bò: 05 ha.
- + Nhà điều hành, văn phòng làm việc, nhà kho, giao thông nội đồng, công trình phụ trợ,...: 3,456 ha.

Ngoài ra, Công ty sẽ tiến hành trồng cỏ dưới tán rừng với diện tích 50 ha để làm nguồn nguyên liệu, thức ăn cho bò.

1.5. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

a/ Tổng vốn đầu tư: **287.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy tỷ đồng), bao gồm vốn cố định và vốn lưu động:

- Vốn cố định: 277.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi bảy tỷ đồng).

- Vốn lưu động: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn)

b/. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn góp:

Stt	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
1	Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên	57.400.000.000	20%		Theo tiến độ dự án

- Vốn huy động: 229.600.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng), chiếm 80% tổng vốn đầu tư dự án.

1.6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm

1.7. Tiến độ thực hiện dự án: 36 tháng

2. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất

2.1. Địa điểm khu đất:

- Vị trí khu đất: thuộc các khoảnh 6, 7, 7A, 8A, 8, 9, 9A tiểu khu 239 và khoảnh 8 tiểu khu 243, xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

- Diện tích đất: 258,44 ha

- Cơ sở pháp lý về quyền sử dụng đất: do UBND xã Ea Bung quản lý.

2.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất.

- Đất có rừng tự nhiên: 106,92ha

- Đất chưa có rừng: 149,27ha.

- Đất khác: 2,25ha (Đường: 1,3ha; Sinh: 0,95ha).

2.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất

Tổng diện tích đất: **258,44 ha**

- Đối với diện tích đất có rừng tự nhiên: 106,92 ha, tổ chức khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng.

- Đối với diện tích đất chưa có rừng và đất khác: 151,52 ha, diện tích đất này sẽ bố trí trồng rừng và diện tích đất quy hoạch cho trồng rừng nông lâm kết hợp, cụ thể như sau:

+ Trồng rừng: 106,064 ha.

+ Trồng cây nông nghiệp ngắn ngày: 30 ha.

+ Trồng cây ăn quả (sầu riêng, xoài, mít...): 5 ha

+ Khu cung cấp nhiên liệu: 02 ha.

+ Trang trại chăn nuôi bò: 05 ha.

+ Nhà điều hành, văn phòng làm việc, nhà kho, giao thông nội đồng, công trình phụ trợ,...: 3,456 ha.

Ngoài ra, Công ty sẽ tiến hành trồng cỏ dưới tán rừng với diện tích 50 ha để làm nguồn nguyên liệu, thức ăn cho bò.

2.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên đáp ứng đầy đủ các điều kiện về giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật:

- Đáp ứng điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư “Vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư; có khả năng huy động vốn để thực hiện dự án từ các tổ chức tín dụng” - Quy định tại khoản 2, điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, cũng như quy định tại điểm a, khoản 3, điều 58 Luật đất đai.

- Đáp ứng điều kiện “Ký quỹ theo quy định của pháp luật về đầu tư” theo Quy định tại điểm b, khoản 3, điều 58 Luật đất đai.

- Đáp ứng điều kiện “Nhà đầu tư không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai” theo quy định tại điểm c, khoản 3, điều 58 Luật đất đai.

Đến thời điểm đề xuất thực hiện dự án, Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên chưa vi phạm các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

2.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai:

Sau khi được UBND tỉnh Đắk Lắk chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại xã Ea Bung, huyện Ea Súp, Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai.

Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất: Quý I/2022.

2.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có): Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên cam kết ứng kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nhu cầu về lao động:

Tổng số lao động: Khi dự án đi vào hoạt động tổng số nhân viên làm việc thường xuyên tại dự án là 100 lao động.

STT	Lao động	Số lượng (người)
I	Lao động trực tiếp	120
1	Công nhân trồng trọt	40
2	Tổ quản lý bảo vệ rừng	30

3	Công nhân chăn nuôi	50
II	Lao động gián tiếp	10
	Tổng cộng	130

Nguồn lao động: Ưu tiên sử dụng nguồn lao động là đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương.

4. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Dự án đầu tư Trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp không đòi hỏi nhiều lao động chuyên môn kỹ thuật cao, mà chủ yếu sử dụng lao động phổ thông là chính, do đó sẽ thu hút được lực lượng lao động nhân rỗi tại địa phương tham gia dự án.

- Cải thiện cơ sở hạ tầng trong vùng dự án, tạo tiền đề thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới. Đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Góp phần phát triển kinh tế địa phương, khai thác hiệu quả đất đai, phát triển đa dạng cây trồng, sử dụng tốt nguồn nước, nguồn lao động tại địa phương nhất là lao động dân tộc thiểu số tại chỗ, tạo công ăn việc làm ổn định, góp phần giảm tình trạng thất nghiệp và các tệ nạn xã hội.

- Góp phần đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đối với cây công nghiệp cho các hộ gia đình, hạn chế nạn phá rừng, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương.

- Dự án góp phần sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, rừng nghèo kiệt, đặc biệt góp phần trong công tác cải tạo rừng nghèo kiệt bằng việc làm giàu rừng tự nhiên, trồng rừng sản xuất lâm nông kết hợp và quản lý bảo vệ rừng.

5. Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Việc thực hiện dự án sẽ ảnh hưởng nhất định đến môi trường xung quanh và khu vực lân cận, tác động trực tiếp đến quá trình sinh hoạt của các hộ dân sinh sống xung quanh, có thể dự báo được những nguồn tác động đến môi trường.

5.1. Xác định các nguồn gây ô nhiễm chủ yếu

Trong quá trình hoạt động của dự án, các yếu tố bụi, khí thải, nước thải, chất rắn sinh hoạt, tiếng ồn và nhiệt độ phát sinh vào môi trường không khí bao gồm từ các nguồn sau:

- Bụi từ quá trình vận chuyển cây giống: Bụi vào phổi sẽ ảnh hưởng đến đường hô hấp. Bụi mịn sẽ gây tổn thương mắt và mũi khi tiếp xúc liên tục, kích thích viêm nhiễm niêm mạc mũi, họng, gây kích thích hóa học và sinh học như dị ứng, nhiễm khuẩn. Tuy nhiên, do công việc chủ yếu là vận chuyển cây giống và trồng cây nên nguồn phát sinh bụi không tác động lớn đến môi trường xung quanh. Đồng thời, giai đoạn dự án đi vào ổn định, dự án phát triển 'vườn ươm tại chỗ' đảm bảo hạn chế tối đa quá trình vận chuyển.

- Bụi và khí thải từ hoạt động giao thông vận tải: Khi dự án bắt đầu triển khai và đi vào hoạt động, để đảm bảo cho việc đi lại của những người chăm sóc, trồng cây và lưu thông sản phẩm được thuận lợi, sẽ có nhiều các phương tiện giao thông hoạt động, ra vào khu vực trồng cây để vận chuyển cây giống và trồng cây. Khi hoạt động như vậy, các phương tiện vận tải với nhiên liệu tiêu thụ chủ yếu là xăng và dầu DO sẽ thải vào môi trường một lượng khí thải chứa các chất ô nhiễm không khí như NO₂, CO, CO₂, CxHy... Từ số lượng xe hoạt động hàng ngày và thành phần khí thải của xe khi hoạt động, có thể ước tính được một cách tương đối tải lượng các chất ô nhiễm không khí thải vào môi trường từ hoạt động giao thông vận tải. Tuy nhiên, bụi và khí thải được phát sinh từ giao thông vận tải này không thường xuyên, chỉ mang tính gián đoạn và không liên tục.

- Tiếng ồn và rung động từ quá trình hoạt động: Tiếng ồn và rung động là những tác nhân gây ô nhiễm khá quan trọng và có thể gây ra những ảnh hưởng xấu đến môi trường, trước tiên là sức khỏe công nhân, lao động trực tiếp làm việc tại dự án. Tiếng ồn và rung động được phát sinh từ các nguồn sau:

- Tiếng ồn và rung động do các phương tiện giao thông vận tải, máy bơm, máy phát điện, máy bón phân, máy cắt,... Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau như: xe vận tải, xe mô tô... Tuy nhiên, do tiếng ồn chỉ mang tính gián đoạn và tiếng ồn không vượt mức cho phép. Tiếng ồn và rung động còn phát sinh từ quá trình va chạm hoặc chấn động, chuyển động qua lại, do sự ma sát của các thiết bị và hiện tượng chảy rôi của các dòng không khí, hơi. Tiếng ồn và rung động phát ra từ các máy phát điện dự phòng, quạt gió, máy bón phân, kéo cắt,... Tuy nhiên, tiếng ồn này ít và không vượt mức cho phép.

- Nước thải: Trong quá trình hoạt động của dự án, nước thải phát sinh vào môi trường bao gồm các nguồn sau: Nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước chữa cháy, tưới cây, nước thải từ máy điều hòa nhiệt độ, nước vệ sinh,

Nước mưa chảy tràn cuốn trôi các chất bẩn, rác thải, bụi... trên bề mặt đất. Khi nước mưa chứa chất ô nhiễm thấm vào đất sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đất, hoặc khi nước mưa đổ vào lưu vực sông, kênh rạch gần đó sẽ có khả năng gây ô nhiễm môi trường nước mặt...

Nước thải sinh hoạt là loại nước thải ra sau khi sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt, ăn uống, tắm rửa, vệ sinh... của công nhân, lao động làm việc tại dự án. Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất ô nhiễm vô cơ, hữu cơ và vi sinh gây bệnh, nước thải sinh hoạt không được thu gom và xử lý sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Do tính chất và thành phần chất ô nhiễm trong nước thải loại này không đáng lo ngại nên toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được thu gom và dẫn thoát vào hệ thống thoát nước mưa của dự án, sau đó thoát thẳng vào môi trường tiếp nhận.

5.2. Giải pháp khắc phục

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại dự án được dẫn về bể tự hoại.

- Bố trí đường thoát nước mưa hợp lý tránh đi qua các bãi chứa nguyên vật liệu, hạn chế ô nhiễm và tránh đất bị úng nước. Ảnh hưởng đến cây trồng.

- Khí thải từ các phương tiện giao thông: Đây là các nguồn thải động nên rất khó quản lý. Chỉ có thể giảm bớt các tác động bằng cách bố trí hợp lý đường vận chuyển và đi lại, hạn chế di chuyển nhiều lần ngang qua khu vực dân cư. Điều chỉnh lưu lượng xe cộ ra vào hợp lý, tránh hiện tượng tập trung mật độ các phương tiện ra vào quá cao trong một thời điểm. Tiếng ồn, rung từ các phương tiện giao thông rất khó quản lý nguồn gây ô nhiễm này. Giảm thiểu tác động đến người dân bằng cách cấm vận chuyển và thi công các công việc có mức ồn cao vào ban đêm (vận chuyển cây giống vào ban đêm...) và giảm tốc độ khi đi qua khu vực dân cư. Lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao như máy phát điện, hệ thống nén khí. Để giảm ồn còn cần phải tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các phương tiện vận tải, các máy móc thiết bị kỹ thuật như máy bơm, máy phát điện, máy bón phân, máy cắt,...

- Đối với rác sinh hoạt: Đặt các thùng rác nhằm thu gom và tập kết tại một địa điểm cố định. Lượng chất thải này sẽ được thu gom hằng ngày.

- Các chất thải rắn xây dựng, các vật liệu phế bỏ được thu gom thường xuyên và vận chuyển ra khỏi khu vực, tập trung vào các khu xử lý chất thải rắn chung của huyện.

- Y tế, vệ sinh và vệ sinh môi trường: tất cả quy trình từ trồng trọt, thu hái, chế biến, đóng gói phải tuân theo các quy định quốc gia về an toàn, vận chuyển vật liệu và vệ sinh môi trường.

** Phương án tổ chức thực hiện*

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Đảm bảo các hoạt động dân sinh bình thường trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng cũng như giai đoạn trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp; xử lý kịp thời các sự cố môi trường xảy ra; thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và các loại chất thải khác đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường hiện hành.

- Xây dựng phương án và tổ chức giám sát chặt chẽ việc chặt hạ cây trong khu vực Dự án được cấp thẩm quyền giao đất; có biện pháp phối hợp với kiểm lâm và chính quyền địa phương trong việc quản lý đội ngũ công nhân nhằm ngăn chặn các hành vi phá rừng, săn bắt động vật hoang dã trong và xung quanh khu vực thực hiện Dự án và các vùng phụ cận giáp với vùng thực hiện Dự án.

- Tuyệt đối không sử dụng các phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật nằm trong danh mục cấm theo quy định.

Dự án đầu tư đi vào hoạt động sẽ mang lại giá trị rất to lớn về môi trường như: hạn chế tình trạng thiên tai, lũ lụt, chống xói mòn, khắc phục hạn hán, điều hòa nguồn nước, tạo oxy, điều hòa không khí, bảo vệ sức khỏe của con người,... Bên cạnh đó dự án còn khoanh nuôi bảo vệ rừng, làm giàu rừng vì vậy không phải đánh giá tác động môi trường.

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Dự án Trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp tại huyện Ea Súp của Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên thuộc Danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên được hưởng các ưu đãi như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối với thuế thu nhập của doanh nghiệp (*Theo quy định tại khoản 1, điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*);

- Được miễn thuế 04 năm đầu tiên phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp kể từ khi có phát sinh thu nhập chịu thuế (Theo quy định tại khoản 1, điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp)

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Miễn thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định của dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn đặc biệt khó khăn (theo quy định của Luật thuế xuất nhập khẩu và khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thuế xuất nhập khẩu)

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Được miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Làm tại tỉnh Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021

CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỨC THÀNH

TÂY NGUYÊN



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Chiêu

**UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

Số: 1289 /SNN-CCKL

V/v gửi kết quả phúc tra hiện trạng
rừng và đất đai khu vực dự kiến thực
hiện dự án lâm nông kết hợp của
Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây
Nguyên.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Triển khai Công văn số 1551/UBND-TH ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh về việc khảo sát để lập hồ sơ đề xuất thực hiện các dự án lâm nông kết hợp trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản số 948/SNN-CCKL ngày 06/4/2021 hướng dẫn Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp.

Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên đã hợp đồng với đơn vị tư vấn (Công ty Cổ phần Xây dựng và Thực phẩm Đắk Lắk) tổ chức thực hiện điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp trên diện tích điều tra 258,44 ha thuộc các khoảnh 6, 7, 7A, 8A, 8, 9, 9A tiểu khu 239 và khoảnh 8 tiểu khu 243, xã Ea Bung, huyện Ea Súp quản lý và gửi kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT.

Ngày 09/4/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở ngành, UBND huyện Ea Súp, Hạt Kiểm lâm Ea Súp và UBND xã Ea Bung tiến hành phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại vị trí nêu trên (có Biên bản phúc tra ngày 09/4/2021 kèm theo).

Qua rà soát, theo Công văn số 184/SNN-CCKL ngày 19/01/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư: “Sở Nông nghiệp và PTNT đã trực tiếp trao đổi với Công ty TNHH Phan Thuận Đắk Lắk và doanh nghiệp này thống nhất giảm 210ha/616,37ha để tỉnh bố trí cho Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên và đề nghị báo cáo UBND tỉnh chủ trương cho Công ty TNHH Phan Thuận Đắk Lắk được khảo sát, lập đề xuất đầu tư dự án diện tích 406,32 ha. Do vậy, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét tham mưu UBND tỉnh cho Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên phối hợp với UBND xã Ea Bung khảo sát để lập đề xuất đầu tư dự án chăn nuôi, nông lâm kết hợp đối với diện tích 210 ha nêu trên”. Tại văn bản số 27-CV/BCSD ngày 29/01/2021 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì diện tích Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên là 258ha (diện tích này theo đề xuất của nhà đầu tư). Do đó, Đoàn phúc tra đề nghị báo cáo UBND tỉnh về nội dung nêu trên.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại khoản 1 Công văn số 1551/UBND-TH ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

gửi kèm theo hồ sơ kết quả phúc tra hiện trạng rừng và đất đai vị trí nêu trên (gửi qua hệ thống *Idesk*) để Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- UBND huyện Ea Súp;
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Cty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên;
- UBND xã Ea Bung;
- Lưu: VT; (Hiện 02b).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoài Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp

Thực hiện Công văn số 1551/UBND-TH ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc khảo sát, lập hồ sơ đề xuất thực hiện các dự án lâm nông kết hợp trên địa bàn tỉnh; Giấy mời số 71/GM-SNN ngày 08/4/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp do Công ty Cổ phần Xây dựng và Thực phẩm Đắk Lắk thực hiện.

Vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 09/4/2021, tại khu vực điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp xã Ea Bung; Đoàn phúc tra gồm:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ông Nguyễn Văn Hiền, NV phòng SD và PTR, Chi cục Kiểm lâm;

Ông Lê Thị Ánh Tuyết, NV phòng SD và PTR, Chi cục Kiểm lâm;

Ông Nguyễn Đình Thế, NV phòng QLBR và BTTN, Chi cục Kiểm lâm.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ông Hồ Đức Vĩnh, NV phòng Quy hoạch giao đất, Chi cục Quản lý đất đai.

3. UBND huyện Ea Súp.

(Có mời nhưng không tham gia).

4. Hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp.

Ông Hoàng Danh Văn, Phó Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm Ea Súp;

Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Kiểm lâm viên - phụ trách QLBR.

5. Đại diện UBND xã Ea Bung.

Ông Nguyễn Ngọc Luật, Phó Chủ tịch UBND;

Ông Lê Văn Công, Công chức Địa chính.

6. Đại diện Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên.

Ông Nguyễn Minh Chiêu, Tổng giám đốc.

7. Đại diện Công ty Cổ phần Xây dựng và Thực phẩm Đắk Lắk.

Ông Phạm Trí Minh, Phó tổng Giám đốc;

Ông Nguyễn Quang Đông, Chủ nhiệm công trình.



Nội dung:

1. Kết quả thực hiện của đơn vị tư vấn

Theo Hồ sơ báo cáo về kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp do Công ty Cổ phần Xây dựng và Thực phẩm Đắk Lắk thực hiện, thì khu vực điều tra có tổng diện tích là **258,44** ha tại các khoảnh 6, 7, 7A, 8A, 8, 9, 9A tiểu khu 239 và khoảnh 8 tiểu khu 243, xã Ea Bung, huyện Ea Súp quản lý.

a) Về hiện trạng các loại đất, loại rừng:

Số TT	Loại đất, loại rừng	Ký hiệu	Diện tích 2021 (ha)	Diện tích 2020 (ha)	Chênh lệch (ha)
	Tổng diện tích điều tra		258,44	258,44	-
I	Đất có rừng tự nhiên		106,92	105,24	1,68
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá nghèo kiệt	rlk	20,72	48,77	(28,05)
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá nghèo	rln		56,47	(56,47)
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá chưa có trữ lượng	rlp	86,20		86,20
II	Đất chưa có rừng		149,27	153,20	(3,93)
-	Diện tích khác	dt1	0,81	4,54	(3,73)
-	Diện tích có cây gỗ tái sinh	dt2	148,46	148,66	(0,20)
III	Đất khác		2,25	-	2,25
-	Đường		1,30		1,30
-	Sinh		0,95		0,95

b) Về phân tích, đánh giá hiện trạng các loại đất, lại rừng trên diện tích điều tra (Chi tiết trong Báo cáo).

c) So sánh về tăng, giảm diện tích rừng trong khu vực điều tra:

So sánh, đối chiếu kết quả điều tra với kết quả theo dõi, cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp năm 2020 thì diện tích đất có rừng tự nhiên tăng 1,68ha, đất chưa có rừng giảm 3,93 ha.

2. Kết quả phúc tra

a) Phương pháp thực hiện

- Về phúc tra hiện trạng các loại đất, loại rừng: Các thành viên tham gia thống nhất kiểm tra ngẫu nhiên một số điểm ngoài thực địa và đối chiếu với bản đồ hiện trạng do đơn vị tư vấn thực hiện để xem xét sự phù hợp hay không phù hợp giữa bản đồ so với thực tế.

- Về phúc tra về trữ lượng rừng: Thống nhất phương pháp kiểm tra ngẫu nhiên một số ô tiêu chuẩn do đơn vị tư vấn thực hiện để xem xét sự phù hợp hay không phù hợp giữa số liệu điều tra của ô tiêu chuẩn so với thực tế.

b) Kết quả kiểm tra

* Kiểm tra về hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp:

Vị trí kiểm tra						Kết quả	
STT	Toạ độ	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Hiện trạng hồ sơ	Hiện trạng thực tế	Đánh giá
1	410442 - 1450600	4	8	239	Đất có cây gỗ tái sinh (DT2)	Đất có cây gỗ tái sinh (DT2)	Phù hợp
2	410393 - 1450615	9	8	239	Đất có cây gỗ tái sinh (DT2)	Đất có cây gỗ tái sinh (DT2)	Phù hợp
3	410406 - 1450839	9	8	239	Đất có cây gỗ tái sinh (DT2)	Đất có cây gỗ tái sinh (DT2)	Phù hợp
4	410185 - 1450969	8	8	239	Sinh	Sinh	Phù hợp

Vị trí kiểm tra						Kết quả	
STT	Toạ độ	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Hiện trạng hồ sơ	Hiện trạng thực tế	Đánh giá
5	409893- 1451086	13	8	239	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo kiệt	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo kiệt	Phù hợp
6	410831 - 1451741	2	7	239	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng	Phù hợp
7	410056 - 1451678	3	8	239	Đất có cây gỗ tái sinh (DT2)	Đất có cây gỗ tái sinh (DT2)	Phù hợp

*** Kiểm tra về trữ lượng rừng:**

Kiểm tra các chỉ tiêu lâm học (về đường kính, chiều cao, phẩm chất và loài cây) tại các ô tiêu chuẩn số: 83, 89, 142 thuộc lô 10, 9, 8 khoảnh 8 tiểu khu 239, nhận thấy: Tại thời điểm kiểm tra, số liệu trên các biểu điều tra là phù hợp với thực tế. Đồng thời kiểm tra tên loài, phẩm chất, chiều cao trong ô tái sinh thuộc các ô nêu trên phù hợp với thực tế.

3. Kết luận, kiến nghị

- Từ kết quả kiểm tra nêu trên Đoàn kiểm tra nhận thấy kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại các các khoảnh 6, 7, 7A, 8, 8A, 9, 9A tiểu khu 239 và khoảnh 8 tiểu khu 243, xã Ea Bung, huyện Ea Súp quản lý, do Công ty cổ phần xây dựng và Thực phẩm Đắk Lắk thực hiện đến thời gian kiểm tra là phù hợp với thực tế.

- Đoàn không kiểm tra toàn diện, chỉ kiểm tra ngẫu nhiên tại các điểm nêu trên, đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, số liệu diện tích, hiện trạng, chỉ tiêu lâm học,... như đã nêu trong báo cáo và bản đồ hiện trạng.

- Qua kiểm tra, rà soát thì vị trí, diện tích khảo sát điều tra trên nằm trong diện tích Công ty TNHH Phan Thuận Đắk Lắk đã điều tra khảo sát được UBND tỉnh cho chủ trương tại Công văn số 1486/UBND-NNMT ngày 03/3/2017 cắt khu vực của Công ty TNHH Phan Thuận đã khảo sát thành 02 phần.

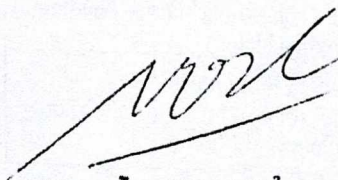
Mặt khác, theo văn bản số 184/SNN-CCKL ngày 19/01/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét tham mưu UBND tỉnh cho Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên khảo sát 210 ha nhưng tại văn bản số 27-CV/BCSD ngày 29/01/2021 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy là 258 ha và được Ban Thường vụ thống nhất tại văn bản số 307-TB/TU ngày 09/02/2021. Do đó, Đoàn phúc tra đề nghị báo cáo cụ thể UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Qua số liệu đối chiếu, so sánh với kết quả cập nhật diễn biến rừng năm 2020, thì tổng diện tích đất có rừng trong khu vực điều tra tăng 1,68 ha.

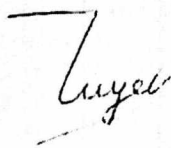
- Đề nghị UBND xã Ea Bung tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp đối với diện tích đã được điều tra, khảo sát nêu trên nói riêng, diện tích do đơn vị quản lý nói chung. Chủ động thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng và quản lý lâm sản theo Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 16/01/2020 của UBND tỉnh. Thực hiện việc cập nhật, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Biên bản được thực hiện vào lúc 16 giờ ngày 09/4/2021, được thông qua các thành viên trong Đoàn cùng nghe, thống nhất ký tên /.

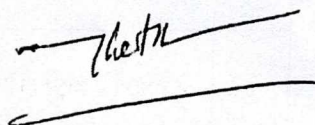
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



Nguyễn Văn Hiến

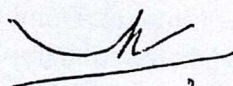


Lê Thị Ánh Tuyết



Nguyễn Đình Thế

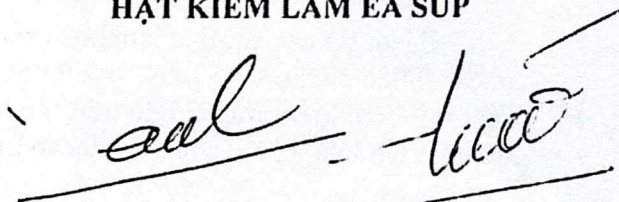
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



SÉT MƯA KÉO Ý CỎ Ứ CHỈ TÔI KỂ HƯ?

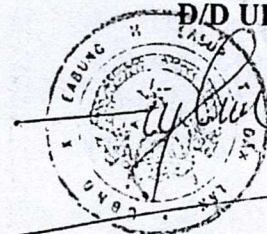
Hồ Đức Vĩnh

HẠT KIỂM LÂM EA SÚP



Hoàng Danh Văn Nguyễn Thanh Tuấn

Đ/D UBND XÃ EA BUNG



Nguyễn Ngọc Luật Lê Văn Công

Đ/D CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỨC THÀNH TÂY NGUYÊN



Nguyễn Minh Chiêu

Đ/D CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THỰC PHẨM ĐẮK LẮK

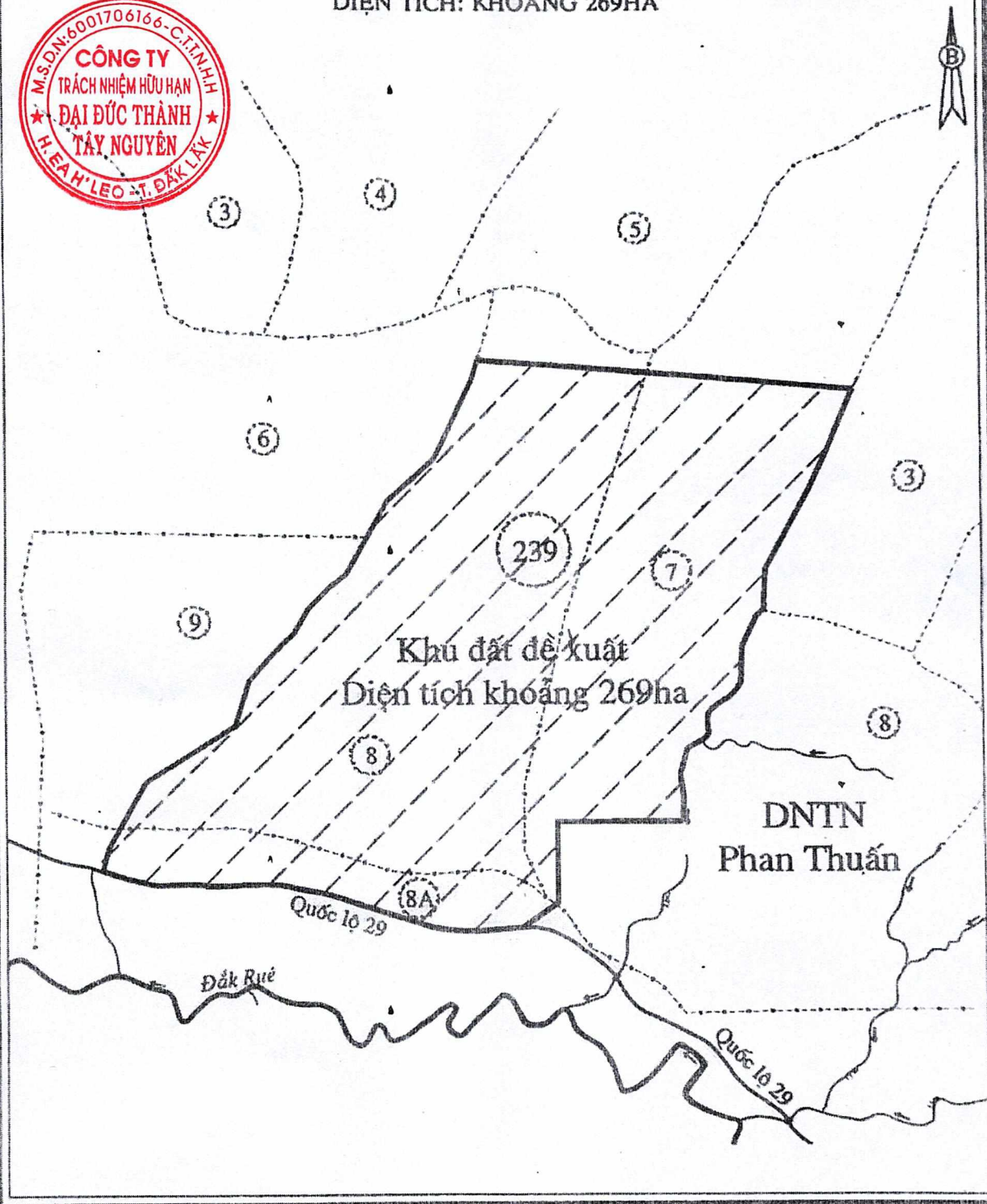


PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trú Minh

Nguyễn

SƠ ĐỒ KHU ĐẤT

KHU ĐẤT THUỘC KHOẢN: 7, 8, 8A, TIỂU KHU 239, XÃ EA BUNG, HUYỆN EA SÚP
DIỆN TÍCH: KHOẢNG 269HA



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐẮK LẮK
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 6001706166

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 11 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỨC THÀNH TÂY
NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 151 đường Giải Phóng, Thị trấn Ea Drăng, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại: 0907794977

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ 68.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi tám tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN MINH CHIÊU	Ấp Đức Ngải 1, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam	40.800.000.000	60,000	300888441	
2	LÂM THANH ĐẠO	649 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	27.200.000.000	40,000	089076000265	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN MINH CHIÊU

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 12/12/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 300888441

Ngày cấp: 07/07/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Long An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đức Ngải 1, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Đức Ngải 1, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Nga

CCV Bùi Đình Phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1551** /UBND-TH

Đắk Lắk, ngày **24** tháng 02 năm 2021

V/v khảo sát, lập hồ sơ đề xuất
thực hiện các dự án lâm nông kết
hợp trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND huyện Ea Súp;
- Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn;
- Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên.

Thực hiện ý kiến Thông báo số 307-TB/TU ngày 09/02/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc khảo sát, lập hồ sơ đề xuất thực hiện các dự án lâm nông kết hợp trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn các nhà đầu tư điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp; tổ chức phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp của nhà đầu tư thực hiện; gửi kết quả phúc tra về Sở Kế hoạch và Đầu tư để có cơ sở hướng dẫn nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án và tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

3. UBND huyện Ea Súp chủ động phối hợp với các sở, ngành và các doanh nghiệp trong việc tổ chức khảo sát vị trí đề xuất thực hiện dự án.

4. Trong thực hiện lưu ý làm việc với nhà đầu tư về việc giao đất thực hiện dự án lâm nông kết hợp kèm theo diện tích rừng sinh khối; thống nhất cam kết trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; xử lý trách nhiệm nhà đầu tư nếu để mất rừng hoặc để người dân lấn chiếm đất rừng; nếu không thực hiện cam kết hoặc chậm triển khai tỉnh sẽ thu hồi dự án theo quy định...

Nhận được Công văn này, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các Nhà đầu tư triển khai thực hiện.//

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng: NN&MT, CN;
- Lưu: VT, TH (ĐUC-9b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỨC THÀNH TÂY
NGUYỄN

151 Giải Phóng - TT Ea Drăng - Huyện Ea H'leo -
Tỉnh Đắk Lắk

Mẫu số: F01-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngày Tháng năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2021	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	IV.08	12,487,635,450	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		12,487,635,450	-
4. Giá vốn hàng bán	11		10,465,840,600	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2,021,794,850	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		653,800	
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
9. Chi phí quản lý kinh doanh	24		150,500,000	
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1,871,948,650	-
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,871,948,650	-
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	28	374,389,730	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	28	1,497,558,920	-

Eah'leo, ngày tháng năm 2021

Người lập

L.Ngô
Lê Thị Hằng Nga

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TGD
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ĐẠI ĐỨC THÀNH
TÂY NGUYỄN
H. EAH'LEO - T. ĐẮK LẮK
NGUYỄN MINH CHIÊU

Công ty TNHH ĐẠI ĐỨC THÀNH TÂY NGUYÊN

151 Giải Phóng - TT EaĐrăng - Huyện Ea H'Leo - Tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành theo Thông tư số

133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Ngày tháng năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	68,176,591,020	68,000,000,000
II. Đầu tư tài chính	120	V.02		
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124			
III. Các khoản phải thu	130	V.03	258,665,000	
1. Phải thu của khách hàng	131		62,800,000	
2. Trả trước cho người bán	132		195,865,000	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4. Phải thu khác	134			
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135			
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136			
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	986,224,400	
1. Hàng tồn kho	141		986,224,400	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142			
V. Tài sản cố định	150	V.05	62,615,000	
- Nguyên giá	151		65,865,000	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152		(3,250,000)	
VI. Bất động sản đầu tư	160	V.06		
- Nguyên giá	161			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162			
VII. XDCB dở dang	170	V.07		
VIII. Tài sản khác	180	V.08	13,463,500	
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		8,200,000	
2. Tài sản khác	182		5,263,500	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 160 + 170 + 180)	200		69,497,558,920	68,000,000,000
NGUỒN VỐN				
I. Nợ phải trả	300			
1. Phải trả người bán	311	V.09.a		
2. Người mua trả tiền trước	312	V.09.b		
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10		
4. Phải trả người lao động	314			
5. Phải trả khác	315	V.09.c		
6. Vay và nợ thuê tài chính	316	V.11		
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			



8. Dự phòng phải trả	318	V.12		
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319			
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
II. Vốn chủ sở hữu	400	V.13	69,497,558,920	68,000,000,000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		68,000,000,000	68,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		1,497,558,920	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500 = 300 + 400)	500		69,497,558,920	68,000,000,000

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

L. Nga

Đoàn Thị Hằng Nga

Lập, Ngày tháng năm 2021

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN MINH CHIÊU

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Ngày tháng năm 2021

Số tài khoản	Tên tài khoản	SỐ DƯ CUỐI NĂM TRƯỚC		PHÁT SINH TRONG NĂM		Cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	Tiền mặt	60,000,000,000		8,093,371,420	7,654,850,400	60,438,521,020	
112	Tiền gửi Ngân hàng	8,000,000,000		4,863,520,000	5,125,450,000	7,738,070,000	
131	Phải thu của khách hàng			11,462,800,000	11,400,000,000	62,800,000	
133	Thuế GTGT được khấu trừ			1,256,850,000	1,248,650,000	8,200,000	
242	Chi phí trả trước			55,463,500	50,200,000	5,263,500	
153	Công cụ dụng cụ					0	
156	Hàng hóa			11,452,065,000	10,465,840,600	986,224,400	
211	Tài sản cố định			65,865,000		65,865,000	
214	Hao mòn TSCĐ				3,250,000		3,250,000
244	Ký quỹ, ký cược dài hạn					0	
331	Trả trước cho người bán			10,695,865,000	10,500,000,000	195,865,000	
333	Thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước			377,389,730	377,389,730		
3334	Thuế TNDN			374,389,730	374,389,730		
3338	Thuế môn bài			3,000,000	3,000,000		
334	Phải trả người lao động			55,000,000	55,000,000		
341	Vay nợ thuê tài chính						0
411	Vốn đầu tư chủ sở hữu		68,000,000,000				68,000,000,000
421	Lợi nhuận chưa phân phối				1,497,558,920		1,497,558,920
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			12,487,635,450	12,487,635,450		
632	Giá vốn hàng bán			10,465,840,600	10,465,840,600		
635	Chi phí tài chính			0	0		
642	Chi phí quản lý kinh doanh			150,500,000	150,500,000		



711	Thu nhập khác			0	0		
911	Xác định kết quả kinh doanh			12,487,635,450	12,487,635,450		
Cộng		68,000,000,000	68,000,000,000	84,347,190,880	84,347,190,880	69,500,808,920	69,500,808,920

NGƯỜI LẬP

L. Nga
Lê Thị Hằng Nga



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TGD

[Signature]
 NGUYỄN NGỌC PHỤNG

